

Bản án số: 611/2022/LĐ-PT
Ngày 27/9/2022
V/v Tranh chấp về đơn phương chấm
dứt hợp đồng lao động.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Liên Minh

Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Út

Bà Nguyễn Thị Thoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Hoa Thiên

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Thân Trọng Minh Phương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 tháng 8, 16 và 27 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/LĐPT ngày 28/02/2019 về: “Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do bản án lao động sơ thẩm số 1063/LĐ-ST ngày 30/7/2015 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4199/2022/QĐ-PT ngày 02/8/2022, quyết định hoãn phiên tòa số 11246/2022/QĐ-PT ngày 24/8/2022 và quyết định tạm ngừng phiên tòa số 12005/2022/QĐ-PT ngày 16/9/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông L, sinh ngày 19/7/1960.

Địa chỉ thường trú: số 76 đường P, Phường 3, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 80/2 đường B Phường 14, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông H, sinh năm 1958 (có mặt)

Địa chỉ: 80/2 đường B Phường 14, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền số công chứng 027085, quyền số 08/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/8/2019 tại Phòng Công chứng số 4)

Bị đơn: Công ty P;

Địa chỉ trụ sở chính: R , 05 đường P, P, Cộng hòa Mauritius.

Người đại diện theo pháp luật: Ông M – Tổng Giám đốc.

Địa chỉ thường trú: 4831 J, 68000 S, D, Malaysia.

Địa chỉ liên lạc: 72 đường L, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ Văn phòng điều hành: 235 N, phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông C Giám đốc Công ty luật TNHH L1. Là người đại diện theo ủy quyền theo bản nghị quyết của ban Giám đốc Công ty ngày 29/6/2021 được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 30/8/2022.

Địa chỉ: Tòa nhà L2, 284/9 N, Phường 10, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và tại biên bản hòa giải ngày 26/5/2015 ông L trình bày như sau:

Tháng 10 năm 1991, ông L đến làm việc tại Công ty S B , là bên nước ngoài trong hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí lô 01 và 02 thêm lục địa Việt Nam theo giấy phép kinh doanh số 239/GP của Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư cấp ngày 10/9/1991. Trong quá trình hoạt động, toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của bên nước ngoài đã được chuyển nhượng cho Công ty P (sau đây được viết tắt là Công ty P).

Ngày 01/01/2005 ông L và Công ty P ký Hợp đồng lao động số: VHR1/37/2005, loại hợp đồng là không xác định thời hạn. Đến ngày 16/12/2009 ông được bổ nhiệm làm Trưởng phòng cao cấp liên doanh và phát triển doanh nghiệp, mức L 65.100.000đồng/tháng.

Trong năm 2010, tại Công ty có mâu thuẫn trong việc xếp loại hàng năm của Tổng giám đốc, ông L cùng Công đoàn phản ánh tâm tư nguyện vọng của nhân viên nhưng không được giải quyết. Ngày 23/8/2010, Công ty P ban hành quyết định số 01/2010 về việc kỷ luật “Cách chức xuống một vị trí không cao hơn ngạch cán bộ” đối với ông L. Ngày 25/8/2010, Công ty P có quyết định hạ mức L của ông L từ mức L 65.100.000 đồng/tháng xuống còn 21.400.000 đồng/tháng, nên ông L đã khởi kiện vụ án lao động về tranh chấp kỷ luật lao động theo hình thức cách chức.

Tại bản án lao động phúc thẩm số 1287/2012/LĐ-PT ngày 28/9/2012 ngày 28/9/2012 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định hủy Quyết định số 01/2010 ngày 23/8/2010 của Công ty P về việc kỷ luật cách chức đối với ông L, Công ty P khôi phục danh dự và mọi quyền lợi vật chất cho ông L.

Trong khi vụ án tranh chấp về xử lý kỷ luật lao động theo hình thức cách chức nêu trên đang được giải quyết thì ngày 28/7/2011, Công ty P điều chuyển ông L sang làm công việc quản lý tài liệu và dữ liệu tại Phòng ôn định và bảo trì kể từ ngày 01/8/2011. Ngày 04/01/2012 Công ty P tiếp tục điều chuyển ông L đến làm việc tại Phòng hành chính tổng hợp vì vị trí quản lý tài liệu và dữ liệu tại

Phòng ổn định và bảo trì đã bị xóa. Ông L có văn bản kiến nghị về việc Công ty P thay đổi công việc mà không bàn bạc, thỏa thuận với ông, nhưng Công ty P không giải quyết.

Ngày 11/4/2012, Tổng Giám đốc Công ty P ban hành Quyết định số VHR1/0204/2012 chấm dứt hợp đồng lao động với ông L kể từ ngày 19/6/2012 với lý do “Tập đoàn Dầu khí Việt Nam không phê chuẩn cho Công ty P duy trì ngạch Cán bộ cho vị trí Quản lý tài liệu và Công ty không có vị trí khác để luân chuyển nhân viên”. Công ty P đã trả ông L tiền L đến tháng 6 năm 2012 đến ngày 19/6/2012 là 13.148.571 đồng.

Ngày 10/7/2012, ông L có đơn khởi kiện về việc chấm dứt hợp đồng lao động và yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số VHR1/0204/2012 Ngày 11/4/2012, Tổng Giám đốc Công ty P về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông, buộc Công ty P nhận ông trở lại làm việc, bồi thường cho ông các khoản tiền L và phụ cấp L từ tháng 6 năm 2012 cho đến khi nhận ông trở lại làm việc; đóng các khoản bảo hiểm cho ông.

Bị đơn là Công ty P trình bày:

Thông nhất với ông L về việc ký kết Hợp đồng lao động và việc ông L được đề bạt làm Trưởng phòng cao cấp liên danh và phát triển doanh nghiệp của Công ty P tại Việt Nam. Ngày 23/8/2010 ông L bị cắt chức xuống bậc Cán bộ. Ngày 28/7/2011 ông L được bổ nhiệm vị trí Cán bộ quản lý tài liệu và dữ liệu Phòng ổn định kể từ ngày 11/8/2011. Tuy nhiên vị trí này không được Tập đoàn dầu khí chấp thuận nên Công ty P tìm vị trí công việc khác phù hợp cho ông L tại Công ty P. Do việc tìm kiếm công việc mới cho ông L không đạt kết quả nên ngày 11/4/2012, Công ty P đã ra Quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động với ông L là đúng quy định của pháp luật. Công ty P không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông L.

Tại bản án lao động sơ thẩm số 1063/2015/LĐ-ST ngày 30/7/2015, Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu của Nguyên đơn.

- Hủy Quyết định số VHR1/0204/2012 ngày 11/4/2012 về việc chấm dứt hợp đồng lao động của Công ty P đối với ông L.

- Công ty P phải nhận ông L trở lại làm việc theo Hợp đồng lao động số VHR1/37/2005 ký ngày 01/01/2005 giữa Công ty P và ông L.

- Công ty P bồi thường cho ông L một khoản tiền tương ứng với tiền L trong những ngày ông L không được làm việc từ ngày 19/6/2012 tạm tính đến ngày tòa tuyên án 30/7/2015 cộng với 02 tháng tiền L sau khi trừ khoản tiền Công ty P đã trả cho ông L. Công ty P còn phải bồi thường cho ông L số tiền là 2.375.284.000 đồng.

- Công ty P tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho ông L từ tháng 7/2012 tạm tính đến tháng 7/2015 theo mức L để đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho là 23.000.000 đồng/tháng...

2/ Không chấp nhận yêu cầu của ông L về việc buộc Công ty P phải mua bảo hiểm theo chế độ 24 giờ theo Điều 6.2 của “Hợp đồng lao động các điều khoản về chế độ lao động”, buộc Bị đơn cung cấp các văn bản thông báo cho Nguyên đơn mức tăng L và thưởng hàng năm đối với các năm 2013, 2014, 2015 và cho đến khi được làm việc trở lại và phải trả các khoản tiền tương ứng với các quyền lợi theo thỏa thuận của hợp đồng lao động cũng như khoản trả thêm khác phát sinh trong thời gian từ sau ngày 19/6/2012 đến khi Nguyên đơn được làm việc trở lại, tạm tính đến hết tháng 7/2015 gồm có tiền thưởng hàng năm, tiền ngày nghỉ hàng năm, tiền chi phí chuyển đi nghỉ hàng năm, tiền chi phí điện thoại di động.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, trách nhiệm trả tiền lãi do chậm thi hành án, quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 12/8/2015, Công ty P và ông L kháng cáo đối với bản án lao động sơ thẩm nêu trên.

Tại Bản án lao động phúc thẩm số 227/2016/LĐ-PT ngày 02/02/2016, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Sửa một phần bản án sơ thẩm. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu của Nguyên đơn.

- Hủy Quyết định số VHR1/0204/2012 ngày 11/4/2012 về việc chấm dứt hợp đồng lao động của Công ty P đối với ông L.

- Công ty P phải nhận ông L trở lại làm việc theo Hợp đồng lao động số VHR1/37/2005 ký ngày 01/01/2005 giữa Công ty P và ông L.

- Công ty P bồi thường cho ông L một khoản tiền tương ứng với tiền L trong những ngày ông L không được làm việc từ ngày 19/6/2012 tạm tính đến ngày ông L được nhận trở lại làm việc theo mức L 65.100.000 đồng. Cộng với 02 tháng tiền L theo mức L của một tháng là 24.226.000 đồng.

- Công ty P tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho ông L từ tháng 7/2012 tạm tính đến tháng 7/2015 theo mức L để đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho là 23.000.000 đồng.

2/ Không chấp nhận yêu cầu của ông L về việc buộc Công ty P phải mua bảo hiểm theo chế độ 24 giờ theo Điều 6.2 của “Hợp đồng lao động các điều khoản về chế độ lao động”, buộc Bị đơn cung cấp các văn bản thông báo cho Nguyên đơn mức tăng L và thưởng hàng năm đối với các năm 2013, 2014, 2015 và cho đến khi được làm việc trở lại và phải trả các khoản tiền tương ứng với các quyền lợi theo thỏa thuận của Hợp đồng lao động cũng như khoản trả thêm khác phát sinh trong thời gian từ sau ngày 19/6/2012 đến khi Nguyên đơn được làm việc trở lại, gồm có tiền thưởng hàng năm, tiền ngày nghỉ hàng năm, tiền chi phí chuyển đi nghỉ hàng năm, tiền chi phí điện thoại di động.

Ngoài ra án phúc thẩm còn tuyên về án phí, trách nhiệm trả tiền lãi do chậm thi hành án.

Ngày 18/01/2017, ông L có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án phúc thẩm nêu trên.

Tại quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 01/2018/KN-LĐ ngày 02/7/2018, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định: *Kháng nghị Bản án lao động phúc thẩm số 227/2016/LĐ-PT ngày 02/02/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đề nghị Ủy ban Thẩm phán tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án lao động phúc thẩm nêu trên và Bản án lao động sơ thẩm số 1063/2015/LĐ-ST ngày 30/7/2015 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử sơ thẩm lại.*

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 06/2018/LĐ-GĐT ngày 21/11/2018, Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

1. *Chấp nhận một phần Kháng nghị số 01/2018/KN-LĐ ngày 02/7/2018 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.*

2. *Hủy Bản án lao động phúc thẩm số 227/2016/LĐ-PT ngày 02/02/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.*

3. *Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.*

Ngày 25/4/2019, ông L có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Quyết định giám đốc thẩm số 06/2018/LĐ-GĐT ngày 21/11/2018, của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Ngày 27/4/2021, Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao có Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 01/2021/KN-LĐ kháng nghị Quyết định giám đốc thẩm số 06/2018/LĐ-GĐT ngày 21/11/2018, Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; Đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao xét xử giám đốc thẩm, hủy quyết định giám đốc thẩm số 06/2018/LĐ-GĐT ngày 21/11/2018, Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hủy Bản án lao động phúc thẩm số 227/2016/LĐ-PT ngày 02/02/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 01/2021/LĐ-GĐT ngày 15/7/2021, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quyết định:

1. *Chấp nhận Kháng nghị giám đốc thẩm số 01/2021/KN-LĐ ngày 27/4/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đối với quyết định giám đốc thẩm số 06/2018/LĐ-GĐT ngày 21/11/2018, Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.*

2. *Hủy Quyết định giám đốc thẩm số 06/2018/LĐ-GĐT ngày 21/11/2018, Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ; hủy Bản án lao động phúc thẩm số 227/2016/LĐ-PT ngày 02/02/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.*

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thi hành Bản án lao động phúc thẩm số 227/2016/LĐ-PT ngày 02/02/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Theo giấy xác nhận kết quả thi hành án số 09/GXN – TPLQ1 ngày 05/7/2017 của văn phòng Thừa phát lại Quận I Thành phố Hồ Chí Minh thì Công ty P đã thi hành xong các khoản: Buộc Công ty P phải nhận ông L trở lại làm việc; Bồi thường cho ông L một khoản tiền tương ứng với tiền L trong những ngày ông L không được làm việc; Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho ông L từ tháng 7/2012.

Tại đơn kháng cáo ngày 12/8/2015 bị đơn trình bày: Bản án sơ thẩm cho rằng Công ty P đã chấm dứt hợp đồng lao động với ông L và tuyên buộc Công ty P Vietnam phải thực hiện các nghĩa vụ là không phù hợp. Bị đơn có quyền thay đổi cơ cấu tổ chức của Phòng Kỹ thuật và bảo trì, bao gồm việc xóa bỏ vị trí Quản lý tài liệu mà ông L đang đảm nhiệm tại thời điểm đó. Trước khi cho ông L thôi việc, bị đơn cũng đã tìm kiếm công việc khác để bố trí cho ông L nhưng thực tế là không có công việc phù hợp.

Bản án sơ thẩm buộc Công ty P Việt Nam phải nhận ông L trở lại làm việc theo công việc đã giao kết trong hợp đồng lao động là không phù hợp bởi vì vị trí của ông L tại thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động là nhân viên quản lý tài liệu thuộc Phòng kỹ thuật và bảo trì, chứ không phải là vị trí trưởng phòng cao cấp bậc E4.

Nay bị đơn yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm xác định việc Công ty P Vietnam cho ông L thôi việc là hợp pháp và trên cơ sở đó bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L đối với Công ty P Vietnam.

Đơn kháng cáo ngày 12/8/2015 ông L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các chứng cứ cũ không còn thích hợp để giải quyết là không chính xác. Tuyên án không rõ ràng, không đầy đủ làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Nay ông đề nghị: Buộc Công ty phải hủy quyết định chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông.

Buộc công ty phải nhận ông trở lại làm việc với công việc Trưởng phòng cao cấp, bậc E4 và bố trí đầy đủ phương tiện để ông làm việc.

Công ty phải đóng đầy đủ các khoản bảo hiểm cho ông.

Phải giải quyết các chế độ tăng L, thưởng hàng năm cho ông từ sau ngày 19/6/2012 cho đến khi được làm việc trở lại gồm các mức tăng L, thưởng trong các năm 2013; 2014; 2015.

Công ty phải bồi thường cho ông các khoản L và phụ cấp trong thời gian từ tháng 6/2012 cho đến khi trở lại làm việc. Tiền bồi thường này được miễn thuế thu nhập cá nhân.

Tại phiên tòa phúc thẩm lần 1:

Đại diện Công ty P Vietnam vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Ông L trình bày: Đề nghị Tòa án xem xét lại mức L , mức thưởng và các chế độ khác cho ông với cương vị là Trưởng phòng cao cấp, bậc E4.

Tại phiên tòa phúc thẩm lần 2:

Bị đơn trình bày:

Ngày 10/4/2017 Công ty P đã ban hành quyết định số MAMZ labour/LTL/VLA/Q22017 v/v nhận ông L trở lại làm việc. Thời gian tiếp nhận ngày 17/4/2017. Cùng ngày Công ty P đã gửi Quyết định này cho ông L bằng thư bảo đảm đến 02 địa chỉ số 76 đường P, Phường 3, quận T và 2B2-3-6 M, P, phường T, Quận 7, nhưng ông L không trở lại Công ty làm việc. Ngày 13/4/2017 Văn phòng Thừa phát lại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo yêu cầu của Công ty P đã ban hành Quyết định thi hành án số 01/QĐ-TPL thi hành bản án số 227.

Ngày 05/7/2017, Văn phòng Thừa phát lại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây ghi tắt là VPTPL Q.1) ra Giấy xác nhận kết quả thi hành án số 09/GXN-TPLQ1, theo đó xác nhận Công ty P (viết tắt PCVL) đã thi hành xong tất cả các Yêu cầu 01 – Nhận ông L trở lại làm việc, Yêu cầu 02 – Thanh toán tiền L , và Yêu cầu 03 – Đóng bảo hiểm. Theo Biên bản giải quyết thi hành án, VPTPL Q.1 xác nhận rằng: *“Do hiện nay Văn phòng đã mời ông L nhiều lần nhưng không thấy ông L đến để làm việc.”*

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm (lần 2) ghi nhận về việc PCVL đã thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ thi hành Bản án Phúc thẩm số 227. Theo đó, bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông L buộc PCVL phải thanh toán thêm hoặc thực hiện những nghĩa vụ khác ngoài những nghĩa vụ mà PCVL đã thực hiện xong theo Giấy xác nhận kết quả thi hành án số 09/GXN-TPLQ1 ngày 05/7/2017 của VPTPL Q.1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 1063/2015/LĐ-ST ngày 30/7/2015 của TAND Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là bản án 1063) ngoài các vấn đề đã nêu tại đơn kháng cáo nguyên đơn bổ sung 09 vấn đề có sai sót trong bản án gồm:

1. Bỏ sót yêu cầu về số tiền 11 ngày phép năm 2012;
2. Bỏ sót yêu cầu về bồi thường từ sau ngày xét xử sơ thẩm đến ngày nhận nguyên đơn trở lại làm việc;
3. Mức L làm cơ sở để tính tiền bồi thường chưa tính đủ các khoản phụ cấp;
4. Có sai lầm trong việc tính đơn giá tiền L , số ngày làm việc trong tháng, và số tiền bồi thường từ ngày 19 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012;
5. Mức L làm căn cứ để đóng bảo hiểm chưa đủ và thời gian đóng bảo hiểm chưa được tính thời gian từ ngày tuyên án đến ngày nhận trở lại làm việc;

6. Việc mua bảo hiểm theo điều 6.2 của hợp đồng lao động chưa được thông qua hòa giải, và được tự đặt thêm vào bản án sơ thẩm;

7. Bỏ sót, chưa giải quyết yêu cầu của nguyên đơn về chi phí thăm gia đình năm 2012;

8. Án sơ thẩm không chấp nhận các quyền lợi tương ứng với các thỏa thuận theo hợp đồng lao động về tiền nghỉ phép năm, chi phí về thăm gia đình, chi phí điện thoại, mức tăng L, tiền thưởng cuối năm từ 19/6/2012 đến khi nhận người lao động trở lại làm việc.

9. Án phí sơ thẩm chưa đúng theo bản danh mục mức án phí lệ phí Tòa án kèm theo pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/2/2009. Chưa quy đóng án phí trên số tiền bảo hiểm phải trả cho cơ quan bảo hiểm xã hội.

Về việc thi hành Bản án lao động phúc thẩm số 227/2016/LĐ-PT ngày 02/02/2016; (sau đây ghi tắt là bản án số 227)

Tại phiên tòa phúc thẩm lần 2 người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Thông qua Quyết định thi hành án số 01/QĐ-TPL (Quyết định thi hành án theo yêu cầu) ngày 13/4/2017, và Giấy xác nhận kết quả thi hành án số 09/GXN-TPLQ1 ngày 05/7/2017, của Văn phòng Thừa phát lại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty đã thi hành đầy đủ 03 nội dung thi hành án gồm: Nhận ông L trở lại làm việc theo quyết định của Tổng Giám đốc Công ty (Quyết định số MAMZ labour/LTL/VLA/Q22017 ngày 10/4/2017 v/v nhận ông L trở lại làm việc); Thanh toán cho thi hành bản án số 227 là 3.175.177.900 đồng. Công ty giữ lại 1.297.983.450 đồng tiền thuế và đã nộp cho chi cục thuế tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; Đóng tiền bảo hiểm xã hội cho ông L 384.400.208 đồng; lãi phạt bảo hiểm xã hội 3.306.744 đồng; và khoản đóng án phí dân sự 43.993.536 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Sau khi bản án phúc thẩm số 227 ban hành nguyên đơn có đến Công ty để nhận việc nhưng phía công ty không đồng ý tiếp nhận nguyên đơn trở lại làm việc và có lập biên bản sự việc, hiện nguyên đơn không mang theo đến tòa, tôi sẽ cung cấp sau. Về việc thi hành bản án thì nguyên đơn hoàn toàn không biết và không nhận khoản tiền bồi thường nào. Nguyên đơn cũng không đồng ý với khoản tiền đóng thuế thu nhập của bị đơn do khoản tiền bồi thường là khoản tiền không phải đóng thuế theo luật thuế thu nhập.

Do việc thi hành bản án phúc thẩm số 227 chưa rõ ràng về các khoản tiền bồi thường, khoản tiền đóng Bảo hiểm xã hội, phương thức tổng đạt văn bản của Văn phòng Thừa phát lại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh có hợp lệ hay chưa và cũng đề cho nguyên đơn cung cấp thêm chứng cứ là biên bản làm việc giữa ông L và Công ty PV về việc Công ty P từ chối nhận ông L trở lại làm việc. Do đó Hội đồng xét xử tạm dừng phiên tòa để triệu tập đại diện Văn phòng Thừa phát lại Quận 1 để trình bày rõ hơn về quá trình thi hành án.

Tại phiên tòa ngày 27/9/2022:

Đại diện nguyên đơn cung cấp cho Tòa án “Đơn đề nghị” của ông L đề ngày 02/02/2016 gửi ông Tổng Giám đốc Công ty P với nội dung ông L đề nghị ông Tổng giám đốc Công ty P để hành bản án phúc thẩm phần hủy quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số VHR1/0204/2012 ngày 11/4/2012, buộc Công ty P nhận ông L trở lại làm việc, ông L đề nghị Công ty P gởi kế hoạch sắp xếp lịch làm việc và các vấn đề có liên quan đến địa chỉ 2B2-3-6 M, P, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện nguyên đơn trình bày: Sau khi gởi đơn đề nghị ông L chưa hề nhận thông báo nào của Công ty P cũng như của văn phòng Thừa phát lại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, trước đây ông có nhận thư của Bưu điện gửi cho ông L nhưng lúc đó ông chưa phải là người đại diện theo ủy quyền của ông L nên việc nhận thư là không có giá trị. Sau đó ông L có ủy quyền cho ông có văn phòng TPL Quận 1 để làm việc nhưng ông cho rằng bản án số 227 đã bị cấp giám đốc thẩm hủy nên ông từ chối việc thi hành án của Công ty P.

Văn phòng Thừa phát lại Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh gửi công văn số 16/CV-TPL ngày 23/9/2011 trình bày về quá trình thi hành bản án 227 : Căn cứ yêu cầu của Công ty P về việc thi hành bản án số 227, VPTPL Q.1 đã ban hành Quyết định thi hành án số 01/QĐ-TPL (Quyết định thi hành án theo yêu cầu) ngày 13/4/2017. Thi hành Quyết định Công ty P VL đã thi hành đủ 03 khoản như sau:

- Công ty P phải nhận ông L trở lại làm việc: Công ty đã ban hành quyết định số MAMZ labour/LTL/VLA/Q22017 ngày 10/4/2017 v/v nhận ông L trở lại làm việc. Thời gian tiếp nhận ngày 17/4/2017.

- Bồi thường cho ông L khoản tiền tương ứng với tiền L trong những ngày ông L không được làm việc Tổng tiền L từ ngày 19/6/2017 đến **ngày 14/4/2017** (với mức L 61.500.000 đồng/tháng) và 02 tháng tiền L (với mức L là 24.226.000đ/tháng) là: **2.438.683.550 đồng** (Hai tỷ, bốn trăm ba mươi tám triệu, sáu trăm tám mươi ba ngàn, năm trăm năm mươi đồng). Số tiền này đã được khấu trừ thuế thu nhập cá nhân của ông L là 1.297.983.450 đồng và tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp (phần đóng của ông L) là 24.226.000 đồng. Số tiền còn lại mà ông L thực nhận nêu trên hiện VPTPL Quận 1 đang gửi ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/7/2017 VPTPL Q.1 cấp cho Công ty P Giấy xác nhận kết quả thi hành án số 09/GXN-TPLQ1. Trong quá trình thi hành án VPTPL Q.1 nhiều lần thông qua bưu điện mời người được thi hành án L đến làm việc nhưng ông L không đến. Cụ thể, ngày 06/6/2017, 15/6/2017, 21/7/2017 tại các địa chỉ 76 Phan Xích Long, 2B2-3-6 M T Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của đương sự nằm trong hạn luật định nên hợp lệ. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi phân tích những tình tiết khách quan của vụ án, căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm, theo hướng: Về tiền L làm cơ sở cho việc bồi thường là 74.214.000 đồng/tháng. Thời gian được tính kể từ ngày 19/6/2012 đến ngày Công ty P đồng ý nhận người lao động trở lại làm việc 17/4/2017. Đôi bên cùng có trách nhiệm đóng bảo hiểm cho đến tháng 4 năm 2017. Thi hành án khấu trừ số tiền mà Công ty P đã đóng thi hành bản án số 227 để thi hành bản án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa sau khi phân tích, đánh giá về kháng cáo, các tình tiết của vụ án, việc giải quyết, xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm, đối chiếu những căn cứ pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Bản án sơ thẩm số 1063/2015/LĐ-ST của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh được tuyên vào ngày 30/7/2015 (sau đây gọi tắt là bản án sơ thẩm 1063), ngày 12/8/2015 nguyên đơn và bị đơn kháng cáo bản án, vì vậy đơn kháng cáo của các đương sự nằm trong thời hạn luật định, bị đơn có đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do đó Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm.

[2] Do bản án sơ thẩm 1063 có kháng cáo, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm bằng bản án số 227/2016/LĐ-PT ngày 02/02/2016 (bản án phúc thẩm số 227). Ngày 21/11/2018 Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã hủy bản án phúc thẩm số 227, theo quyết định giám đốc thẩm số 06/2018/LĐ-GĐT. Ngày 15/7/2021 Tòa án nhân dân Tối cao đã tuyên hủy bản án phúc thẩm số 227 và quyết định giám đốc thẩm số 06 trả hồ sơ về Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại, theo quyết định giám đốc thẩm số 01/2021/LĐ-GĐT. Chính vì vậy, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

[3] Ngày 05/7/2017 VPTPL Q.1 cấp cho Công ty P Giấy xác nhận kết quả thi hành án số 09/GXN-TPLQ1, theo đó Công ty P đã thi hành xong bản án phúc thẩm số 227. Như vậy, khi xét xử phúc thẩm lại vụ án Tòa án phải giải quyết vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy, theo khoản 5 Điều 313 BLTT DS năm 2015.

[4] Đây là vụ kiện tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào thời điểm xảy ra tranh chấp là ngày Công ty P ra quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động 11/4/2012 để áp dụng các quy phạm pháp luật là Bộ luật Lao động năm 1994 đã được sửa đổi bổ sung các năm 2002, 2006, 2007 để xét xử vụ án là có căn cứ.

[5] Bị đơn kháng cáo vì cho rằng Công ty P có quyền thay đổi cơ cấu tổ chức của Phòng Kỹ thuật và bảo trì, bao gồm việc xóa bỏ vị trí Quản lý tài liệu mà ông L đang đảm nhiệm tại thời điểm đó. Tòa án xét thấy việc thay đổi cơ cấu

tổ chức là quyền của doanh nghiệp, tuy nhiên khi thực hiện quyền này thì người sử dụng lao động phải trao đổi và phải được sự đồng ý của Ban chấp hành công đoàn cơ sở, và chỉ được tiến hành sau khi đã báo cho cơ quan lao động địa phương biết trước 30 ngày (theo quy định tại khoản 2 Điều 17 và khoản 2 Điều 38 Bộ luật Lao động năm 1994), phía bị đơn đã không thực hiện các thủ tục này nên việc Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông L là không đúng thủ tục theo quy định của pháp luật.

[6] Về nội dung của quyết định: Bị đơn căn cứ vào lý do là: “Tập đoàn Dầu khí Việt Nam không phê chuẩn cho Công ty P duy trì ngạch cán bộ cho vị trí quản lý tài liệu và Công ty không có vị trí khác để luân chuyển nhân viên”. Tuy nhiên việc chuyển ông L sang làm công việc quản lý tài liệu không có thỏa thuận và cũng không có thời gian tạm thời chuyển người lao động sang làm công việc khác là trái quy định tại khoản 2 Điều 34 của Bộ luật Lao động năm 1994. Do đó, việc Công ty P cho rằng công việc mới của ông L không được Tập đoàn dầu khí Việt Nam chấp nhận để chấm dứt hợp đồng lao động với ông L là không chính đáng, không dựa trên các cơ sở pháp luật về quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của người sử dụng lao động theo khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Lao động năm 1994.

[7] Do về thủ tục cũng như nội dung của Quyết định số VHR1/0204/2012 ngày 11/4/2012 về việc chấm dứt hợp đồng lao động của Công ty P đối với ông L là trái pháp luật, nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu hủy quyết định trên là có cơ sở. Do đó yêu cầu kháng cáo của bị đơn về vấn đề này không được chấp nhận.

[8] Hậu quả của việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật của người sử dụng lao động được quy định tại khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Lao động năm 1994: *Phải nhận người lao động trở lại làm công việc theo hợp đồng đã ký và phải bồi thường một khoản tiền tương ứng với tiền L và phụ cấp L (nếu có) trong những ngày người lao động không được làm việc cộng với ít nhất hai tháng tiền L và phụ cấp L (nếu có).*

[9] Cấp sơ thẩm đã buộc Công ty P phải hủy Quyết định số VHR1/0204/2012 Ngày 11/4/2012, Tổng Giám đốc Công ty P về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông L, nhận ông L trở lại làm việc là đúng. Tại đơn kháng cáo ông L cho rằng cấp sơ thẩm không tuyên thêm về vị trí làm việc là Trưởng phòng cao cấp, bậc E4 là thiếu sót cần phải sửa lại phần quyết định này. Tòa án xét thấy ngày 19/9/2013 Công ty đã ban hành quyết định số VHR3/202/13/L có nội dung hủy quyết định kỷ luật do Công ty ban hành ngày 23/8/2010 khôi phục chức vụ trưởng phòng cao cấp bậc E4. Ngày 20/9/2010, ông L nhận được thông báo này, và quyết định đã có hiệu lực. Chính vì vậy việc bổ sung thêm phần quyết định về nhận ông L trở lại làm việc với vị trí trưởng phòng cao cấp, bậc E4 theo yêu cầu của ông L theo đơn kháng cáo là không cần thiết.

[10] Với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc: Không tuyên buộc bị đơn phải bồi thường cho đến khi nhận người lao động trở lại làm việc. Tòa án xét thấy phần đầu của Điều 1 Quyết định của bản án sơ thẩm Tòa án nhân dân Quận 1 đã tuyên Công ty P bồi thường cho ông L một khoản tiền tương ứng với tiền L

trong những ngày ông L không được làm việc từ ngày 19/6/2012 là đúng theo yêu cầu của khoản 1 Điều 41 của Bộ luật lao động năm 1994 và thời gian không được làm việc đã được hiểu là bao gồm thời gian từ ngày Tòa tuyên án đến khi nhận người lao động trở lại làm việc. Tòa án phúc thẩm không chấp nhận lý do kháng cáo này của nguyên đơn.

[11] Về tiền L làm căn cứ tính các khoản tiền bồi thường: Ông L làm việc tại Công ty P từ năm 2005, đến ngày 16/12/2009 ông L được bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng phòng cao cấp (Senior Manager) Phòng liên doanh và phát triển doanh nghiệp, mức L của ông tăng lên 65.100.000 đồng/tháng. Ngày 25/8/2010, ông L bị hạ mức L xuống 21.240.000 đồng/tháng, do Công ty xác định ông L có hành vi vi phạm kỷ luật lao động. Theo quyết định của bản án lao động phúc thẩm số 1287/2012/LĐ-PT ngày 28/9/2012 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì ông L được phục hồi chức vụ và mức L theo chức vụ là 65.100.000 đồng/tháng. Tại văn bản số VHR1/061/14L ngày 21/4/2014 (do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án tại giai đoạn xét xử phúc thẩm lần 1) thì mức L của ông L tính đến ngày 19/6/2012 (ngày chấm dứt hợp đồng lao động) là 74.214.000 đồng/tháng. Đây là tình tiết mới phát sinh mà tòa án cấp sơ thẩm không biết. Tòa án cấp phúc thẩm điều chỉnh lại mức L làm căn cứ tính các khoản bồi thường cho ông L theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 114/2002/NĐ-CP ngày 31/12/2002 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật lao động về tiền L.

[12] Nguyên đơn kháng cáo và cho rằng mức L của ông tại thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động gồm 2 phần L cơ bản là 74.214.000 đồng/tháng và các khoản phụ cấp đã được Công ty P thừa nhận tại văn bản VHR1/209/13L/2012 ngày 19/9/2013 và văn bản số VHR1/219/13/L ngày 20/11/2013. Qua xem xét các văn bản này, Tòa án nhận thấy đây là các văn bản Công ty P trả lời ông L về các quyền lợi mà ông L được hưởng hay không được hưởng, không xác định mức phụ cấp của ông L. Tại bản tóm tắt các khoản tiền thi hành bản án số 1287/2012/LĐ-PT kèm theo văn bản số VHR1/061/14/L ngày 21/4/2014 thì ông L và Công ty P đã thống nhất với mức L cơ bản mà ông L được hưởng từ ngày 01/01/2012 là 74.214.000 đồng/tháng không có phụ cấp tiền L. Như vậy L cơ bản của ông L được hiểu rằng đã bao gồm khoản tiền L cấp bậc, chức vụ, phụ cấp khu vực, phụ cấp chức vụ, mức L được 2 bên thừa nhận phù hợp với các khoản phụ cấp được xác định tại Điều 15 Nghị định số 114/2002/NĐ-CP (nêu trên) đã hướng dẫn. Do đó Tòa án không chấp nhận lý do kháng cáo này của nguyên đơn.

[13] Ông L đề nghị Tòa án áp dụng thông báo rút kinh nghiệm vụ án “yêu cầu hủy quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và bồi thường thiệt hại” của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao ngày 20/11/2019 đăng trên cổng thông tin điện tử của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao để áp dụng cho vụ án này và yêu cầu hủy bản án sơ thẩm. Tòa án xét thấy yêu cầu này của ông L là không đúng vì luật áp dụng trong thông báo trên là Bộ luật lao động năm 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Đối với vụ án này Tòa án áp dụng Bộ luật Lao động năm 1994 và các

văn bản hướng dẫn thi hành đề xét xử vụ án (mục [4]). Nên, không thể áp dụng và chấp nhận yêu cầu của ông L trong vụ án này.

[14] Ông L cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm có sai lầm trong việc áp dụng đơn giá tiền L ngày bởi văn bản Hợp đồng lao động và các điều khoản về chế độ lao động tại điều 1.3.3 có quy định về thời gian làm việc từ thứ hai đến thứ sáu, tức ngày công một tháng là 22 ngày. Tuy nhiên văn bản này không có xác nhận của Công ty P nên không có giá trị chứng minh. Đồng thời, qua xem xét Hợp đồng lao động số VHR1/37/2005 ngày 01/01/2005 giữa ông L và Công ty P không ghi nhận thời gian làm việc trong tuần. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm tính ngày công của ông L là 26 ngày là đúng, qua đó số tiền công 1 tháng là 74.214.000 đồng/26 ngày.

[15] Về việc thi hành bản án phúc thẩm số 227: Ngày 10/4/2017 Công ty P đã ban hành Quyết định số MAM7/labour/LTL/VLA/Q22017 về việc nhận ông L trở lại làm việc kể từ ngày 17/4/2017 cùng ngày Công ty P đã gửi quyết định này cho ông L theo đúng địa chỉ 2B2-3-6 M, P, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh mà ông đã yêu cầu trong “Đơn đề nghị” ngày 02/02/2016 gửi cho ông Tổng Giám đốc Công ty P. Ngày 13/4/2017 Công ty P ký hợp đồng dịch vụ số 678/HĐDV.THA/VPTPL-TC với Văn phòng thừa phát lại Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh. Theo giấy xác nhận kết quả thi hành án ngày 05/7/2017 và các chứng cứ đính kèm, VPTPL Q1 đã cho thi hành xong các khoản: Nhận ông L trở lại làm việc, tổng đạt quyết định nhận ông L trở lại làm việc; Bồi thường các khoảng theo bản án phúc thẩm 227 bao gồm các khoản sau bồi thường tiền L trong những ngày ông L không được làm việc, cộng 02 tháng tiền L. Tổng tiền L từ ngày 19/6/2017 đến ngày 14/4/2017 (với mức L 61.500.000 đồng/tháng) và 02 tháng tiền L (với mức L là 24.226.000đ/tháng) là: 2.438.683.550 đồng (Hai tỷ, bốn trăm ba mươi tám triệu, sáu trăm tám mươi ba ngàn, năm trăm năm mươi đồng). Số tiền này đã được khấu trừ thuế thu nhập cá nhân của ông L là 1.297.983.450 đồng và tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp (phần đóng của ông L) là 24.226.000 đồng (tổng 3 khoản trên là 3.760.893.000) không tính các khoảng Công ty P phải đóng bảo hiểm cho ông L. Số tiền trên hiện VPTPL Quận 1 đang gửi ngân hàng theo quy định của pháp luật. Như vậy Công ty P đã thi hành xong toàn bộ quyết định của bản án phúc thẩm 227.

[16] Việc tổng đạt Quyết định số MAM7/labour/LTL/VLA/Q22017 ngày 10/4/2017 về việc nhận ông L trở lại làm việc kể từ ngày 17/4/2017 của Văn phòng TPL Quận 1: Ngày 06/6/2017, ngày 05/6/2017, ngày 21/7/2017 VPTPL Q1 đã gửi quyết định trên cho ông L tại địa chỉ 76 P, phường 3, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và 2B2-3-6 M, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Việc tổng đạt quyết định phù hợp với Điều 39 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014 và điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 12 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 16/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật Thi hành án dân sự. Như vậy kể từ ngày 17/4/2017 ông L phải trở lại Công ty P làm việc và có nghĩa vụ “*Chấp hành kỷ luật lao động, nội quy lao động, tuân theo sự điều hành hợp pháp của người sử dụng lao động*” (khoản 3 Điều 7 Bộ luật Lao động năm 1994 tương ứng với điểm c khoản

2 Điều 5 Bộ luật Lao động năm 2012). Tuy nhiên, tính cho đến nay ông không đến Công ty P làm việc. Do đó, được xem ông L đã tự ý bỏ việc từ ngày 17/4/2017, mọi quyền lợi của ông L được chấm dứt kể ngày này.

[18] Các mục [3]; [6]; [11] và [16] nêu trên là những tình tiết mới phát sinh trong vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về các khoản bồi thường như sau:

[19] Về bồi thường thời gian không được làm việc: Được tính từ ngày 19/6/2012 đến ngày 17/4/2017 cộng 02 tháng tiền L tổng cộng là 59 tháng 28 ngày; số tiền mà Công ty P phải bồi thường 74.214.000 đồng/tháng x (59 + 28/30) tháng = 4.447.867.662 đồng. Số tiền này được khấu trừ như sau:

[20] Tiền thuế thu nhập cá nhân: Đối với số tiền Công ty P đã nộp thuế thu nhập cá nhân cho ông L là 1.297.983.450 đồng; Công ty P dựa vào số tiền phải thanh toán cho ông L là 4.447.867.662 đồng trích ra số tiền phải nộp thuế (theo hướng dẫn của cơ quan thuế có thẩm quyền), nếu còn thiếu so với số tiền thuế đã nộp nêu trên có trách nhiệm trích số tiền phải thanh toán cho ông L nộp bổ sung. Nếu đã thừa thì Công ty P làm các thủ tục thoái thu tiền thuế thu phần thuế nhập cá nhân của ông L trả lại cho ông L.

[21] Tiền bảo hiểm: Theo mục [12] Tiền L của ông L được hưởng từ ngày 01/01/2012 đến ngày 17/4/2017 là 74.214.000 đồng/tháng. Theo khoản 3 Điều 93 của Luật Bảo hiểm xã hội quy định “Trường hợp mức L, tiền công quy định tại khoản 1 và khoản 2 điều này cao hơn 20 tháng L tối thiểu chung thì mức tiền L, tiền công tháng đóng bảo hiểm xã hội bằng 20 tháng L tối thiểu chung”. Căn cứ các Nghị định của Chính phủ quy định mức L tối thiểu chung ban hành từ ngày 12/4/2012 đến ngày 24/4/2017, mức tiền đóng bảo hiểm tương ứng sẽ là: Từ tháng 7/2012 đến tháng 6/2013 mức đóng 21.000.000 đồng, từ tháng 7/2013 đến tháng 4/2016 mức đóng 23.000.000 đồng, từ tháng 5/2016 đến tháng 4/2017 mức đóng 24.200.000 đồng.

[22] Về nghĩa vụ đóng bảo hiểm: theo các quy định của Luật bảo hiểm xã hội, Luật bảo hiểm y tế, Luật việc làm thì không những người sử dụng lao động phải đóng bảo hiểm cho người lao động, mà người lao động cũng phải có trách nhiệm đóng bảo hiểm cho bản thân mình. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc Công ty P đóng bảo hiểm mà không buộc ông L phải cùng đóng là có sai sót, Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại phần đóng bảo hiểm cho đúng quy định.

[23] Do Công ty P đã đóng toàn bộ số tiền bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp theo bản án phúc thẩm số 227. Để bảo đảm khoản tiền đóng bảo hiểm từng bên, tiền phạt chậm đóng theo quy định của Bảo hiểm Việt Nam, cơ quan bảo hiểm có thẩm quyền tính số tiền bảo hiểm phải đóng cho từng bên, tiền phạt chậm đóng do Công ty P nộp theo quy định. nếu còn thiếu so với số tiền bảo hiểm đã nộp nêu trên Công ty P có trách nhiệm trích số tiền phải thanh toán cho ông L nộp bổ sung. Nếu đã thừa thì Công ty P làm các thủ tục thoái thu tiền bảo hiểm của ông L trả lại cho ông L

[24] Đối với số tiền phải bồi thường cho ông L sau khi quyết toán số tiền thuế nêu ở mục [20] và tiền bảo hiểm mà ông L phải đóng theo quy định tại mục

[21], [23] Công ty P tổng hợp và trả cho ông L trên cơ sở mức bồi thường tiền L trong thời gian không được làm việc quy định tại mục [19].

[25] Về số tiền phép năm căn cứ khoản 3 Điều 76 BLLĐ năm 1994 thì *“Người lao động do thôi việc hoặc vì các lý do khác mà chưa nghỉ hàng năm hoặc chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hàng năm, thì được trả L những ngày chưa nghỉ”*. Tòa án cấp sơ thẩm chưa tính khoản tiền 11 nghỉ trong năm 2012 cho ông L là có thiếu sót nên cấp sơ thẩm bổ sung trên cơ sở mức L 74.214.000 đồng và số ngày công trong tháng là 26 ngày 74.214.000 đồng/30 ngày : 26 ngày x 11 ngày = 31.398.230 đồng.

[26] Về yêu cầu được miễn tiền thuế thu nhập cá nhân. Tòa án xét thấy tại đơn khởi kiện cũng như trong các buổi hòa giải tại cấp sơ thẩm ông L không đưa ra yêu cầu này, tại phiên tòa sơ thẩm ông mới bổ sung yêu cầu được miễn thuế là đã vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, Tòa án cấp sơ thẩm không xét yêu cầu này của ông L là có cơ sở (khoản 1 Điều 218 BLTT DS năm 2004 được sửa đổi bổ sung năm 2011) nhưng chưa đưa vào phần quyết định. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm bổ sung yêu cầu này của ông L vào phần quyết định phúc thẩm.

[27] Đối với yêu cầu của Nguyên đơn về việc yêu cầu Bị đơn phải mua bảo hiểm theo chế độ 24 giờ theo Điều 6.2 “Hợp đồng lao động các điều khoản về chế độ lao động”, buộc Bị đơn cung cấp các văn bản thông báo cho Nguyên đơn mức tăng L và thưởng hàng năm đối với các năm 2013, 2014, 2015 và cho đến khi được làm việc trở lại, trả các khoản tiền tương ứng với các quyền lợi theo thỏa thuận của hợp đồng lao động cũng như khoản trả thêm khác phát sinh trong thời gian từ sau ngày 19/6/2012 đến khi Nguyên đơn được làm việc trở lại, tạm tính đến hết tháng 7/2015 gồm có tiền thưởng hàng năm, tiền ngày nghỉ hàng năm (từ năm 2013 trở đi), tiền chi phí chuyển đi nghỉ hàng năm, tiền chi phí điện thoại di động. Tòa án xét thấy đây là những quyền lợi của người lao động đang trực tiếp làm việc tại Công ty P, trong khi đó thời gian này ông L không lao động trực tiếp tại Công ty P nên những quyền lợi trên, ông không được hưởng. Cấp sơ thẩm không chấp nhận những yêu cầu này của ông L là có cơ sở.

[28] Về án phí: Ông L là người lao động khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại do chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật nên được miễn toàn bộ án phí theo khoản 2 Điều 11 Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án. Công ty P phải nộp án phí trên số tiền phải trả cho ông L theo khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án 112.000.000 đồng + (4.447.867.662 đồng + 31.398.230 đồng – 4.000.000.000) x 0,1% = 112.479.265 đồng. Đối với khoản tiền bảo hiểm, do số liệu cụ thể phải do cơ quan bảo hiểm tính toán theo quy định của pháp luật, đồng thời đây không phải số tiền bồi thường trực tiếp cho ông L, nên Tòa án không tính án phí cho khoản này. Do yêu cầu kháng cáo của Công ty P không được chấp nhận nên Công ty P phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Sửa bản án lao động sơ thẩm số 1063/LĐ-ST ngày 30/7/2015 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu của Nguyên đơn:

a) Hủy Quyết định số VHR1/0204/2012 ngày 11/4/2012 về việc chấm dứt hợp đồng lao động của Công ty P đối với ông L.

b) Công ty P phải nhận ông L trở lại làm việc theo Hợp đồng lao động số VHR1/37/2005 ký ngày 01/01/2005 giữa Công ty P và ông L. Ghi nhận ông L chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty P kể từ ngày 17/4/2017.

c) Công ty P bồi thường cho ông L một khoản tiền tương ứng với tiền L trong những ngày ông L không được làm việc từ ngày 19/6/2012 đến ngày 17/4/2017 là 4.447.867.662 đồng (bốn tỷ bốn trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn sáu trăm sáu mươi hai đồng).

d) Công ty P thanh toán cho ông L 11 ngày nghỉ năm 2012 là 31.398.230 đồng (ba mươi một triệu ba trăm chín mươi tám nghìn hai trăm ba mươi đồng).

đ) Công ty P tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho ông L từ tháng 7/2012 đến tháng 4/2017 theo mức L để đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp như sau: Từ tháng 7/2012 đến tháng 6/2013 mức đóng 21.000.000 đồng/tháng, từ tháng 7/2013 đến tháng 4/2016 mức đóng 23.000.000 đồng/tháng, từ tháng 5/2016 đến tháng 4/2017 mức đóng 24.200.000 đồng/tháng.

e) Công ty P và cơ quan thi hành án có thẩm quyền có quyền liên hệ với Bảo hiểm xã hội Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Cục Thuế tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Văn phòng thừa phát lại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Cục Thi hành án Thành phố Hồ Chí Minh, Chi cục thi hành án Dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh để quyết toán lại số tiền đã đóng cho việc thi hành bản án phúc thẩm số 227/2016/LĐ-PT ngày 02/02/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và số tiền phải đóng cho bản án này. Trường hợp đóng thừa thì thoái thu, trường hợp đóng thiếu thì đóng bổ sung. Số tiền còn lại thanh toán cho ông L.

g) Kể từ ngày ông L có yêu cầu thi hành án, nếu Công ty P chưa thi hành khoản tiền theo quy định trên thì hàng tháng Công ty P còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2/ Không chấp nhận yêu cầu của ông L về việc buộc Công ty P phải mua bảo hiểm theo chế độ 24 giờ theo Điều 6.2 của “Hợp đồng lao động các điều khoản về chế độ lao động”, buộc bị đơn cung cấp các văn bản thông báo cho nguyên đơn mức tăng L và thưởng hàng năm đối với các năm 2013, 2014, 2015 và cho đến khi được làm việc trở lại và phải trả các khoản tiền tương ứng với các quyền lợi theo thỏa thuận của hợp đồng lao động cũng như khoản trả thêm khác phát sinh trong thời gian từ sau ngày 19/6/2012 đến khi nguyên đơn được làm việc trở lại

làm việc, gồm có tiền thưởng hàng năm, tiền ngày nghỉ hàng năm, tiền chi phí chuyển đi nghỉ hàng năm, tiền chi phí điện thoại di động.

3/ Không xét yêu cầu của ông L về miễn đóng tiền thuế thu nhập cá nhân, do vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu.

4/ Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty P phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 112.479.265 đồng (một trăm mười hai triệu, bốn trăm bảy mươi chín nghìn, hai trăm sáu mươi lăm đồng).

Án phí phúc thẩm: Công ty P phải chịu án phí phúc thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm Công ty P đã nộp là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005087 ngày 13/8/2015 tại Chi cục thi hành án Dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực thi hành ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TpHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TpHCM
- Viện kiểm sát nhân dân TpHCM;
- Tòa án nhân dân Quận 1;
- Cục Thi hành án dân sự TpHCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Liên Minh

